TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH T** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 97/2023/DS-ST Ngày: 28-9-2023 V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH T, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lâm Thị Loan Em

Ông Ngô Văn Tân

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Mỹ Anh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phan Văn Đ, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Lâm Thị Hằng N, sinh năm 1988 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Theo văn bản ủy quyền ngày 08/11/2022.

- *Bị đơn*: Ông Chế Chí T (vắng mặt).

ĐKTT: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Thạch Thị Sóc K (vắng mặt).

2. Ông Chế Chí L (vắng mặt).

ĐKTT: Ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

3. Bà Lâm Cẩm T1 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã N, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/11/2022 của nguyên đơn ông Phan Văn Đ và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Lâm Thị Hằng N trình bày:

Ngày 14/4/2022 ông Phan Văn Đ có hợp đồng mua bán lúa với ông Chế Chí T, sau khi thỏa thuận mua lúa ông Đ có chuyển cho ông T tiền đặt cọc lúa là 90.000.000 đồng, ông Đ mượn tài khoản của bà Lâm Cẩm T1 để chuyển với nội dung "anh Đ chuyển tiền đưa cọc lúa anh T" và tài khoản nhận tiền là con của anh T tên Chế Chí L, mục đích đặt cọc mua lúa. Tuy nhiên, đến thời điểm thu hoạch thì không nhận được lúa, ông Đ có hỏi ông T lý do thì ông T chỉ hứa hẹn cho qua loa. Ông Đ nhiều lần yêu cầu ông T trả tiền cọc lúa còn nợ nhưng ông T không thực hiện.

Ngoài ra, ông T còn nợ ông Đ số tiền lúa là 4.000.000 đồng, ông T hứa vài ngày sẽ trả nhưng đến nay ông T vẫn chưa trả.

Sự việc phát sinh tranh chấp ông Đ có xuống nhà ông T để thỏa thuận nhưng ông T trốn tránh không gặp mặt mà thông qua vợ ông T là bà K. Bà K hứa sẽ thanh toán tiền. Đến ngày 12/7/2022 ông T trả được 20.000.000 đồng. Sau đó ông T, bà K hứa vài ngày sau sẽ trả thêm, nhưng đến hẹn không thấy ông T trả, ông T chỉ hứa hẹn chứ không thực hiện trả nợ cho ông Đ.

Ông Đ yêu cầu vợ chồng ông T, bà K có nghĩa vụ liên đới trả số tiền còn nợ 74.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi chậm trả từ ngày 12/7/2022 đến ngày khởi kiện 08/11/2022 tạm tính 04 tháng x 1,66%/tháng x 70.000.000 đồng = 4.648.000 đồng. Yêu cầu vợ chồng ông T trả tổng số tiền 78.678.000 đồng.

Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút lại yêu cầu đối với số tiền 4.000.000 đồng. Yêu cầu ông T, bà K liên đới trả số tiền 70.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 13/7/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 0,83%/tháng. Tổng cộng yêu cầu trả số tiền 78.424.500 đồng.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 17/7/2023, bị đơn ông Chế Chí T trình bày:

Ngày 14/4/2022 ông có thỏa thuận bán cho ông Phan Văn Đ số lượng lúa trên diện tích 300 công tầm cấy, loại lúa OM, do ông làm cò mua đi bán lại, ông đặt cọc cho người dân để có lúa bán cho ông Đ, chỉ thỏa thuận miệng, không có hợp đồng mua bán lúa, ông Đ có chuyển khoản thông qua số tài khoản của con ông là Chế Chí L với số tiền 90.000.000 đồng để đặt cọc. Nửa tháng sau khi chuyển tiền cọc thì ông Đ đến cân và lấy 200 tấn lúa, ông Đ đồng ý trừ tiền cọc là 30.000.000 đồng, còn lại 60.000.000 đồng. Ngày 12/7/2022 ông chuyển khoản trả cho ông Đ 20.000.000 đồng. Còn lại 40.000.000 đồng, cách đây khoảng hơn 01 tháng ông chuyển khoản cho ông Đ số tiền 5.000.000 đồng, hiện chỉ còn nợ lại 35.000.000 đồng. Trong khi 02 ghe của ông Đ đến lấy lúa số lượng 1.300 bao nhưng ông Đ chê lúa xanh không lấy, bỏ ghe đi, nên người dân bán ở ngoài, người dân lấy hết tiền cọc của ông, do ông không lấy lúa của họ, hiện nay ông mất trắng số tiền cọc.

Nay ông chỉ còn nợ lại số tiền 35.000.000 đồng và đồng ý trả cho ông Đ nhưng yêu cầu được trả dần. Việc ông Đ cho rằng ông nợ 4.000.000 đồng tiền lúa là ông không đồng ý, ông không có nợ số tiền trên. Ông Đ yêu cầu tính lãi ông cũng không đồng ý, lý do ông Đ không lấy lúa nên ông bị người dân phạt cọc, hiện nay ông đã mất trắng số tiền cọc. Việc cấn trừ 30.000.000 đồng là ông và ông Đ tự cấn trừ sau khi cân lúa lần đầu tiên, chỉ thỏa thuận miệng, không giấy tờ, không người chứng kiến. Còn việc trả số tiền trước sau 25.000.000 đồng là ông chuyển khoản trả cho ông Đ.

Tại biên bản xác minh ngày 21/8/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị Sóc K trình bày:

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn Đ, trước đây ông T có đến Tòa án làm việc và có trình bày ý kiến, ông T có bàn bạc với bà và bà thống nhất ý kiến của ông T, do ông T làm ăn với ông Đ bà không rõ số nợ này.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Chế Chí L và bà Lâm Cẩm T1 vắng mặt, không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông T, bà K trả cho ông Đ số tiền còn nợ 70.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật; đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn đã rút số tiền 4.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp T, xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn ông Chế Chí T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị Sóc K, ông Chế Chí L và bà Lâm Cẩm T1. Xét thấy, phiên tòa đã mở lần hai, đương sự vắng mặt không lý do, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nêu trên. Tại phiên tòa nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu số tiền nợ 4.000.000 đồng. Xét yêu cầu rút một phần nội dung khởi kiện của đại diện nguyên đơn là tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu mà nguyên đơn đã rút.

[2] Nguyên đơn ông Đ khởi kiện cho rằng ngày 14/4/2022 có thỏa thuận mua bán lúa với ông Chế Chí T và có chuyển khoản cho ông T số tiền 90.000.000 đồng đặt cọc mua lúa, thông qua số tài khoản của bà Lâm Cẩm T1 chuyển khoản cho con ông T là anh Chế Chí L. Ngày 12/7/2022 thì ông T trả được 20.000.000 đồng, còn nợ 70.000.000 đồng chưa trả. Ông Đ yêu cầu ông T trả 70.000.000 đồng và

yêu cầu tính lãi chậm trả mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 13/7/2022 đến ngày Tòa án xét xử.

Ông T thừa nhận có nhận của ông Đ số tiền 90.000.000 đồng đặt cọc mua lúa. Tuy nhiên, ông T cho rằng giữa ông và ông Đ có thỏa thuận cấn trừ tiền cọc 30.000.000 đồng, ngày 12/7/2022 ông T chuyển khoản trả cho ông Đ 20.000.000 đồng và cách đây hơn 01 tháng tiếp tục chuyển khoản cho ông Đ 5.000.000 đồng, hiện chỉ còn nợ 35.000.000 đồng và đồng ý trả cho ông Đ số tiền này nhưng xin được trả dần.

Xét thấy, bị đơn ông Chế Chí T thừa nhận có nhận của nguyên đơn số tiền cọc 90.000.000 đồng, ông T cho rằng đã trả 3 lần, một lần 30.000.000 đồng, một lần 20.000.000 đồng và một lần 5.000.000 đồng. Tuy nhiên, nguyên đơn chỉ thừa nhận ông T đã trả 20.000.000 đồng ngày 12/7/2022, số tiền còn lại nguyên đơn không thừa nhận, bị đơn không đưa ra được căn cứ chứng minh đã trả cho nguyên đơn số tiền 35.000.000 đồng. Nên Hội đồng xét xử xác định bị đơn ông T còn nợ nguyên đơn ông Đ số tiền cọc mua lúa 70.000.000 đồng và buộc ông T có nghĩa vụ trả cho ông Đ số tiền này.

[3] Về nghĩa vụ liên đới của vợ chồng: Bà Thạch Thị Sóc K là vợ ông T cũng đồng ý cùng ông T có nghĩa vụ trả nợ, nên cần buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị Sóc K có nghĩa vụ liên đới cùng ông T trả nợ cho ông Đ.

[4] Về yêu cầu tính lãi chậm trả: Do kể từ ngày 12/7/2022 bị đơn không tiếp tục trả tiền nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 13/7/2022 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm ngày 28/9/2023 mức lãi suất 0,83%/tháng là có căn cứ, phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn. Lãi chậm trả được tính như sau: 70.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 14 tháng 15 ngày (từ ngày 13/7/2022 đến ngày 28/9/2023) = số tiền 8.424.500 đồng.

[5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn Đ, buộc ông Chế Chí T và bà Thạch Thị Sóc K có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phan Văn Đ số tiền còn nợ 78.424.500 đồng (gồm vốn 70.000.000 đồng và tiền lãi 8.424.500 đồng).

[6] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn ông Đ được chấp nhận nên ông T, bà K phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Qua phân tích như trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị là có cơ sở chấp nhận.

[8] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 328, Điều 430, Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12

năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Văn Đ, buộc ông Chế Chí T và bà Thạch Thị Sóc K có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phan Văn Đ số tiền còn nợ 78.424.500 đồng (gồm vốn 70.000.000 đồng và tiền lãi 8.424.500 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện do nguyên đơn ông Phan Văn Đ đã rút về việc yêu cầu số tiền nợ 4.000.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Chế Chí T và bà Thạch Thị Sóc K phải liên đới nộp án phí số tiền 3.921.225 đồng. Hoàn trả cho ông Đ tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.966.000 đồng theo biên lai thu số 0002889 ngày 03/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. (Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh T;
- Chi cục THADS huyện Thạnh T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thành Nghiệp